

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Kiểm tra, giám sát đánh giá đúng thực chất việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, quy định, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh và của Đảng ủy xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; qua đó đánh giá mức độ chuyển hóa chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể và kết quả, sản phẩm thực tế tại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát.

Phát hiện, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, khuyết điểm, khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và các cá nhân có liên quan đối với những hạn chế, khuyết điểm thuộc phạm vi trách nhiệm.

Thông qua kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; đồng thời phát hiện, ghi nhận những cách làm hiệu quả, mô hình phù hợp để nghiên cứu nhân rộng, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Việc kiểm tra, giám sát phải thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, phương pháp và quy trình công tác kiểm tra của Đảng; bảo đảm khách quan, dân chủ, công tâm, chính xác, thận trọng, chặt chẽ và đúng quy định.

Nội dung kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra; tránh dàn trải, hình thức, trùng lặp hoặc biến cuộc kiểm tra, giám sát của Đảng thành kiểm tra hành chính, chuyên môn đơn thuần.

Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu báo cáo, hồ sơ, tài liệu với làm việc trực tiếp, trao đổi, xác minh và kiểm tra thực tế khi cần thiết; chú trọng kiểm chứng mức độ thực chất của việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là đối với nhiệm vụ, sản phẩm, dữ liệu, nền tảng, hệ thống và kết quả đầu ra đã được báo cáo.

Đánh giá phải gắn giữa kết quả thực hiện với tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tính bền vững và khả năng khai thác, sử dụng thực tế; đồng thời gắn kết quả kiểm tra với việc xác định trách nhiệm, yêu cầu khắc phục hạn chế, khuyết điểm và theo dõi việc thực hiện sau kiểm tra, giám sát.

Bảo đảm cuộc kiểm tra, giám sát được tiến hành nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, không gây cản trở hoạt động bình thường của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra; hồ sơ, tài liệu và thông tin thu thập trong quá trình kiểm tra phải được quản lý, sử dụng đúng quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI KỲ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Đối tượng kiểm tra, giám sát

Các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy xã; cấp ủy, chi ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị được lựa chọn kiểm tra trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, quy định, chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên và các cá nhân được giao nhiệm vụ tham mưu, tổ chức thực hiện hoặc trực tiếp phụ trách các nhiệm vụ liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát.

Đối với những nội dung có liên quan đến nhiều tổ chức, cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân, Đoàn kiểm tra, giám sát xác định rõ đối tượng chủ trì, đối tượng phối hợp và trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân để xem xét, đánh giá phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

2. Phạm vi kiểm tra, giám sát

Tập trung kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát; trong đó trọng tâm là:

- Việc quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo, triển khai của cấp có thẩm quyền;
- Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ; việc phân công trách nhiệm, xác định tiến độ, nguồn lực và sản phẩm đầu ra;
- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị;

- Việc ứng dụng công nghệ số, sử dụng các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm và dữ liệu số trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chính trị;

- Việc số hóa, quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu theo quy định;

- Việc bố trí, quản lý, sử dụng nguồn lực, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kinh phí và nhân lực phục vụ thực hiện Nghị quyết;

- Kết quả, tiến độ, chất lượng, hiệu quả và sản phẩm cụ thể; những nhiệm vụ chậm tiến độ, chưa hoàn thành, chưa đạt yêu cầu hoặc triển khai chưa thực chất;

- Việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình triển khai;

- Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và cá nhân có liên quan đối với kết quả thực hiện, những hạn chế, khuyết điểm, khó khăn, vướng mắc thuộc phạm vi trách nhiệm.

Đoàn kiểm tra, giám sát tập trung làm rõ mối quan hệ giữa chủ trương, nhiệm vụ được giao với quá trình tổ chức thực hiện và kết quả, sản phẩm thực tế; trường hợp cần thiết tiến hành kiểm tra, đối chiếu thực tế để xác định tính chính xác, đầy đủ của báo cáo, hồ sơ, tài liệu do đối tượng kiểm tra, giám sát cung cấp.

3. Thời kỳ kiểm tra, giám sát

Từ thời điểm triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đến thời điểm tiến hành kiểm tra, giám sát.

Đối với những nội dung, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch được xây dựng hoặc triển khai trước thời điểm kiểm tra nhưng có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đoàn kiểm tra, giám sát được xem xét, đối chiếu trong phạm vi cần thiết để làm rõ nội dung kiểm tra, giám sát.

Khi cần thiết, Đoàn kiểm tra, giám sát có thể xem xét những nội dung phát sinh sau thời kỳ kiểm tra nhưng có liên quan trực tiếp đến kết quả, trách nhiệm hoặc việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm của đối tượng kiểm tra, giám sát.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Kiểm tra, giám sát việc cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

Kiểm tra, giám sát việc xác định thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW là một trong những nhiệm vụ quan trọng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; việc đưa các nội dung phù hợp của Nghị quyết vào nghị quyết, chương trình công tác, kế hoạch và nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng.

Kiểm tra, giám sát vai trò trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo; việc phân công cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên phụ trách, theo dõi và tổ chức thực hiện; việc duy trì chế độ kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Việc cụ thể hóa Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và sản phẩm cụ thể

Kiểm tra việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tập trung kiểm tra việc xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ, đơn vị hoặc cá nhân chủ trì, trách nhiệm phối hợp, nguồn lực và sản phẩm đầu ra; việc phân công có rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm và rõ kết quả hay không.

Kiểm tra sự thống nhất giữa nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch với việc tổ chức thực hiện trên thực tế; việc rà soát, điều chỉnh nhiệm vụ khi có thay đổi về yêu cầu, điều kiện hoặc nguồn lực.

3. Việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

Kiểm tra việc nhận diện, lựa chọn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của địa phương.

Kiểm tra việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp mới vào quản lý, điều hành, sản xuất, cung cấp dịch vụ công và thực hiện nhiệm vụ chính trị; chú trọng đánh giá tính phù hợp, tính khả thi, hiệu quả và khả năng duy trì, nhân rộng.

Kiểm tra việc phát hiện, đề xuất và giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương bằng các giải pháp khoa học, công nghệ; việc phối hợp, tiếp nhận và khai thác các kết quả nghiên cứu, giải pháp, sáng kiến có khả năng áp dụng vào thực tiễn.

4. Việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Việc cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, khuyến khích cán bộ, đảng viên, công chức và các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý đề xuất sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ.

Việc lựa chọn, thử nghiệm, áp dụng và đánh giá các sáng kiến, mô hình, giải pháp đổi mới; mức độ tạo ra giá trị mới, nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả công việc hoặc cải thiện chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

Phát hiện, biểu dương, khuyến khích và nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả; đồng thời làm rõ những hạn chế, rào cản về cơ chế, tổ chức, nhân lực hoặc phương thức quản lý làm ảnh hưởng đến đổi mới sáng tạo.

5. Việc triển khai chuyển đổi số trong lãnh đạo, quản lý và thực hiện nhiệm vụ

Việc chuyển đổi phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và giải quyết công việc từ phương thức thủ công sang môi trường số; việc sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số, phần mềm dùng chung và phần mềm chuyên ngành theo quy định.

Việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; sử dụng chữ ký số; trao đổi, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu trên môi trường số.

Mức độ sử dụng thực chất các hệ thống, nền tảng, phần mềm đã được đầu tư hoặc cung cấp; xác định rõ tình trạng có hệ thống nhưng chưa sử dụng, sử dụng không thường xuyên, sử dụng không đúng chức năng hoặc hiệu quả thấp.

Việc ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian, giảm chi phí, giảm thủ tục trung gian và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và phục vụ người dân, tổ chức.

6. Xây dựng, số hóa, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu

Việc rà soát, chuẩn hóa, số hóa, cập nhật, lưu trữ và quản lý dữ liệu thuộc phạm vi trách nhiệm của tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Chất lượng dữ liệu về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất, khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác theo thẩm quyền.

Việc sử dụng dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tham mưu và giải quyết công việc; mức độ chuyển từ quản lý dựa trên hồ sơ, giấy tờ sang quản lý dựa trên dữ liệu.

Phân quyền truy cập, quản lý tài khoản, sao lưu, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu; kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót có nguy cơ làm mất, sai lệch, lộ lọt hoặc sử dụng trái phép dữ liệu.

7. Hạ tầng, nhân lực, kinh phí và các điều kiện bảo đảm thực hiện

Kiểm tra việc rà soát, bố trí và sử dụng hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, phần mềm, nền tảng và các điều kiện cần thiết phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Kiểm tra việc quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản, thiết bị, phần mềm, hệ thống đã được đầu tư; làm rõ tình trạng đầu tư nhưng chậm đưa vào sử dụng, sử dụng không hiệu quả hoặc chưa khai thác hết công năng.

Kiểm tra việc bố trí, phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ; công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng số và năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ cho cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động.

Kiểm tra việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí, nguồn lực thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo đúng quy định; chú trọng phòng ngừa lãng phí, đầu tư dàn trải, mua sắm không gắn với nhu cầu sử dụng và hiệu quả đầu ra.

8. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và quản trị rủi ro số

Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình ứng dụng công nghệ, sử dụng hệ thống thông tin và chuyển đổi số.

Kiểm tra việc quản lý tài khoản, mật khẩu, quyền truy cập, thiết bị đầu cuối, phần mềm, dữ liệu và các phương tiện lưu trữ; việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý nguy cơ mất an toàn thông tin.

Kiểm tra việc nhận diện các nguy cơ, điểm yếu và rủi ro trong quá trình chuyển đổi số; việc xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố và duy trì hoạt động khi xảy ra sự cố.

Đối với những lĩnh vực, hệ thống và dữ liệu có yêu cầu bảo mật cao, kiểm tra việc chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ thông tin, tài liệu và dữ liệu trong môi trường số.

9. Kết quả, hiệu quả thực hiện và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên cơ sở đối chiếu giữa mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ được giao với kết quả và sản phẩm thực tế; làm rõ những nhiệm vụ đã hoàn thành, hoàn thành một phần, chậm tiến độ, chưa hoàn thành hoặc không còn phù hợp.

Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các sản phẩm, mô hình, sáng kiến, giải pháp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; không chỉ xem xét việc đã triển khai mà phải đánh giá khả năng sử dụng thực tế, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng.

Kiểm tra việc cấp ủy, tổ chức đảng tự kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện; việc phát hiện, chấn chỉnh và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình triển khai.

Làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm, nhất là nguyên nhân chủ quan; xác định trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

Đối với những nội dung có dấu hiệu vi phạm, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí, mất an toàn thông tin, làm lộ lọt dữ liệu hoặc vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Đoàn kiểm tra kịp thời xem xét, xác minh, báo cáo và xử lý theo thẩm quyền, quy định.

IV. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN ĐỘ TIẾN HÀNH KIỂM TRAGIÁMSÁT

1. Phương pháp kiểm tra, giám sát

Cuộc kiểm tra được tiến hành theo nguyên tắc kết hợp giữa nghiên cứu hồ sơ, tài liệu; làm việc trực tiếp; trao đổi, xác minh; đối chiếu dữ liệu và kiểm tra thực tế,

bảo đảm đánh giá khách quan, toàn diện, thực chất việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Trong quá trình kiểm tra, lấy việc đối chiếu giữa chủ trương, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch được giao với quá trình tổ chức thực hiện, sản phẩm, kết quả và hiệu quả thực tế làm cơ sở chủ yếu để đánh giá.

Đối với các nội dung liên quan đến ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, khi cần thiết Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm chứng trực tiếp việc vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống, phần mềm, nền tảng, dữ liệu, thiết bị và các sản phẩm đã được báo cáo; không chỉ căn cứ vào báo cáo, số liệu hoặc hồ sơ do đối tượng kiểm tra cung cấp.

Trường hợp phát hiện nội dung chưa rõ, có mâu thuẫn giữa báo cáo và hồ sơ, tài liệu hoặc giữa hồ sơ với kết quả thực tế, Đoàn kiểm tra yêu cầu giải trình, xác minh, làm rõ trước khi đưa vào báo cáo kết quả kiểm tra.

2. Các bước tiến hành kiểm tra, giám sát

2.1. Bước 1: Chuẩn bị và ban hành quyết định, kế hoạch kiểm tra, giám sát

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét, lựa chọn đối tượng, xác định nội dung, phạm vi, thời kỳ kiểm tra; xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra theo thẩm quyền.

Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, phân công nhiệm vụ cụ thể cho Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên; xác định rõ yêu cầu, tiến độ và trách nhiệm trong quá trình kiểm tra.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Đoàn kiểm tra nghiên cứu các quy định, nghị quyết, chương trình, kế hoạch và văn bản chỉ đạo có liên quan; xác định những nội dung trọng tâm, những vấn đề cần làm rõ và những dấu hiệu, nguy cơ có thể phát sinh để chủ động phương pháp kiểm tra.

2.2. Bước 2: Yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu

Đoàn kiểm tra thông báo quyết định, kế hoạch kiểm tra; yêu cầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra xây dựng báo cáo tự kiểm tra theo đề cương và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Báo cáo tự kiểm tra phải đánh giá thực chất kết quả thực hiện, chỉ rõ nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành, chậm tiến độ; sản phẩm, kết quả đạt được; khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Hồ sơ, tài liệu cung cấp phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, có khả năng kiểm chứng và được sắp xếp theo từng nhóm nội dung kiểm tra.

2.3. Bước 3: Nghiên cứu, phân tích hồ sơ, tài liệu

Đoàn kiểm tra nghiên cứu báo cáo tự kiểm tra, hồ sơ, tài liệu và các dữ liệu có liên quan; đối chiếu với các quy định, mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu và yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản của cấp có thẩm quyền.

Phân tích những nội dung đã rõ, những nội dung chưa đầy đủ, những vấn đề có sự khác biệt giữa báo cáo và tài liệu chứng minh; xác định những nội dung cần làm việc, xác minh hoặc kiểm tra thực tế.

Trường hợp cần thiết, Đoàn kiểm tra yêu cầu bổ sung hồ sơ, tài liệu, số liệu hoặc giải trình bằng văn bản để bảo đảm có đủ căn cứ đánh giá.

2.4. Bước 4: Làm việc trực tiếp với đối tượng kiểm tra, giám sát

Đoàn kiểm tra, giám sát làm việc với cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tập trung làm rõ:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của người đứng đầu;
- Việc cụ thể hóa Nghị quyết thành nhiệm vụ cụ thể;
- Tiến độ và phương thức tổ chức thực hiện;
- Kết quả, sản phẩm và hiệu quả thực tế;
- Những khó khăn, điểm nghẽn và nguyên nhân;
- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, khuyết điểm.

Các nội dung trao đổi, giải trình phải được ghi nhận đầy đủ; trường hợp có nội dung chưa thống nhất thì tiếp tục xác minh, làm rõ trước khi kết luận.

2.5. Bước 5: Kiểm chứng, xác minh và kiểm tra thực tế

Đối với những nội dung cần thiết, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đối chiếu thực tế để xác định tính chính xác của báo cáo, hồ sơ và kết quả thực hiện.

Tập trung kiểm chứng đối với:

- Việc vận hành, khai thác và sử dụng các hệ thống, nền tảng, phần mềm;
- Việc sử dụng chữ ký số và xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử;
- Tình trạng số hóa, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu;
- Tình trạng, khả năng sử dụng và hiệu quả khai thác trang thiết bị, hạ tầng công nghệ;
- Các sản phẩm, mô hình, sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo đã được báo cáo;
- Việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin;
- Các nội dung khác mà Đoàn kiểm tra thấy cần thiết để làm rõ kết quả thực tế.

Việc kiểm chứng phải đúng phạm vi, thẩm quyền, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị và không xâm nhập, khai thác hoặc sao chép dữ liệu ngoài phạm vi được phép.

2.6. Bước 6: Tổng hợp, đánh giá và xác định trách nhiệm

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, kết quả làm việc và kiểm chứng thực tế, Đoàn kiểm tra tổng hợp, phân tích, đánh giá từng nội dung.

Việc đánh giá phải phân định rõ:

- Kết quả đạt được;
- Hạn chế, khuyết điểm;
- Nhiệm vụ chưa hoàn thành hoặc chậm tiến độ;
- Nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan;
- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Những vấn đề cần chấn chỉnh, khắc phục;
- Những kiến nghị, đề xuất thuộc thẩm quyền.

Đối với những nội dung có dấu hiệu vi phạm hoặc có vấn đề phức tạp, Đoàn kiểm tra báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy để xem xét, chỉ đạo và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

2.7. Bước 7: Thông qua dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát

Đoàn kiểm tra, giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó phản ánh đầy đủ kết quả, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm và kiến nghị.

Dự thảo báo cáo được thông qua với tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát; tiếp thu, xem xét các ý kiến giải trình, bổ sung có căn cứ.

Những ý kiến không thống nhất phải được nghiên cứu, xác minh và thể hiện rõ trong báo cáo theo quy định.

2.8. Bước 8: Báo cáo Ủy ban Kiểm tra và kết luận kiểm tra, giám sát

Đoàn kiểm tra, giám sát hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét.

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét, kết luận hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Kết luận kiểm tra, giám sát phải đánh giá khách quan, toàn diện; chỉ rõ ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm và yêu cầu, kiến nghị khắc phục cụ thể.

3. Tiến độ thực hiện

Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện theo tiến độ do Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy quyết định, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tế.

Dự kiến tiến độ gồm:

- Chuẩn bị và ban hành quyết định; kế hoạch kiểm tra: Tháng ... năm 2026;
- Thông báo quyết định, kế hoạch; yêu cầu báo cáo và hồ sơ, tài liệu: Thực hiện trước khi tiến hành kiểm tra trực tiếp;
- Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và tiến hành làm việc: Tháng ... năm 2026;
- Kiểm chứng, xác minh thực tế: Thực hiện trong thời gian kiểm tra hoặc khi phát sinh yêu cầu cần làm rõ;
- Hoàn thành báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: Sau khi kết thúc kiểm tra theo quy định;
- Ủy ban Kiểm tra xem xét, kết luận: Thực hiện theo chương trình công tác và quy định hiện hành;
- Theo dõi, đôn đốc việc khắc phục sau kiểm tra, giám sát: Thực hiện thường xuyên cho đến khi hoàn thành các yêu cầu, kiến nghị, kết luận.

Trường hợp phát sinh vấn đề phức tạp, cần xác minh thêm hoặc có nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến tiến độ, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét, quyết định.

V. HỒ SƠ, TÀI LIỆU PHỤC VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Báo cáo và tài liệu chung

Tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra chuẩn bị báo cáo tự kiểm tra theo đề cương của Đoàn kiểm tra; báo cáo phải đánh giá đầy đủ kết quả, hạn chế, khuyết điểm, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, quyết định, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ và các văn bản có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Hồ sơ về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Biên bản, kết luận các cuộc họp cấp ủy, chi ủy; tài liệu quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; các văn bản phân công trách nhiệm, giao nhiệm vụ và chỉ đạo, đôn đốc thực hiện.

Các báo cáo định kỳ, sơ kết, đánh giá kết quả; tài liệu thể hiện việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc và xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Hồ sơ về nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Danh mục nhiệm vụ, chương trình, đề án, mô hình, sáng kiến, giải pháp được triển khai; hồ sơ thể hiện mục tiêu, tiến độ, đơn vị hoặc cá nhân chủ trì, nguồn lực và kết quả, sản phẩm đầu ra.

Tài liệu chứng minh việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào thực hiện nhiệm vụ; kết quả đánh giá hiệu quả, khả năng duy trì và nhân rộng đối với các mô hình, sáng kiến, giải pháp đã triển khai.

4. Hồ sơ về hệ thống, phần mềm, dữ liệu và số hóa

Danh mục hệ thống thông tin, nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các công cụ số đang được quản lý, sử dụng.

Tài liệu liên quan đến số hóa, cập nhật, quản lý, khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu; tài liệu chứng minh việc sử dụng các hệ thống, phần mềm, chữ ký số và xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Các sản phẩm, số liệu, báo cáo hoặc minh chứng điện tử phục vụ việc kiểm chứng kết quả thực hiện.

5. Hồ sơ về hạ tầng, nhân lực và nguồn lực

Hồ sơ về hiện trạng, đầu tư, mua sắm, quản lý và sử dụng trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

Hồ sơ phân công cán bộ; tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số và nâng cao năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ.

Hồ sơ về bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí, nguồn lực phục vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định.

6. Hồ sơ về an toàn thông tin và quản trị rủi ro số

Các quy định, quy trình, phương án và tài liệu liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

Tài liệu về quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, sao lưu, lưu trữ, bảo vệ dữ liệu và xử lý, khắc phục sự cố an toàn thông tin, nếu có.

7. Yêu cầu về cung cấp và quản lý hồ sơ, tài liệu

Hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Đoàn kiểm tra phải đầy đủ, chính xác, trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được sắp xếp theo từng nhóm nội dung kiểm tra; trường hợp tài liệu được cung cấp dưới dạng điện tử phải bảo đảm khả năng truy cập, kiểm tra và đối chiếu.

Đoàn kiểm tra được yêu cầu bổ sung hồ sơ, tài liệu, số liệu, giải trình hoặc minh chứng khác khi cần thiết để làm rõ nội dung kiểm tra.

Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, sao lưu, bảo quản và hoàn trả hồ sơ, tài liệu trong quá trình kiểm tra phải thực hiện đúng quy định; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và các thông tin thuộc diện bảo mật.

VI. TỔ CHỨC ĐOÀN KIỂM TRA VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát để tổ chức thực hiện Kế hoạch này; thành phần, số lượng thành viên, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và thành viên Đoàn kiểm tra, giám sát do Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

quyết định, bảo đảm phù hợp với nội dung, đối tượng và yêu cầu của cuộc kiểm tra, giám sát.

Việc phân công thành viên Đoàn phải bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; có sự phối hợp giữa cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với cán bộ có chuyên môn phù hợp về công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi cần thiết.

2. Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát

Trưởng đoàn chịu trách nhiệm trước Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy về toàn bộ hoạt động của Đoàn kiểm tra; trực tiếp chỉ đạo, điều hành và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Chỉ đạo xây dựng lịch kiểm tra, tổ chức triển khai các nội dung theo kế hoạch; chủ trì các buổi làm việc với đối tượng kiểm tra; xem xét, xử lý hoặc báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy những vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra.

Chỉ đạo tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm tra; chủ trì xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra, trình Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét theo quy định.

3. Trách nhiệm của Phó Trưởng đoàn

Giúp Trưởng đoàn tổ chức, điều hành hoạt động của Đoàn kiểm tra; trực tiếp phụ trách một số nội dung kiểm tra theo phân công.

Theo dõi tiến độ, tổng hợp kết quả kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao; phối hợp với các thành viên trong việc nghiên cứu hồ sơ, làm việc, xác minh, kiểm chứng thực tế và xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra.

Thực hiện nhiệm vụ khác do Trưởng đoàn phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn về nội dung được giao.

4. Trách nhiệm của thành viên Đoàn kiểm tra

Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn; nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, tham gia làm việc với đối tượng kiểm tra, xác minh và kiểm chứng thực tế các nội dung được giao.

Chủ động phát hiện, tổng hợp những vấn đề cần làm rõ; chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của nội dung tham mưu, đánh giá thuộc phạm vi được phân công.

Phối hợp với các thành viên khác để bảo đảm kết quả kiểm tra thống nhất, đầy đủ, không chồng chéo, bỏ sót nội dung.

5. Trách nhiệm của bộ phận giúp việc Đoàn kiểm tra

Bộ phận giúp việc thực hiện công tác chuẩn bị, tổng hợp, hành chính, ghi biên bản, quản lý hồ sơ, tài liệu và các điều kiện phục vụ hoạt động của Đoàn kiểm tra theo phân công.

Theo dõi tiến độ, tổng hợp tài liệu, dự thảo các văn bản phục vụ kiểm tra; bảo đảm hồ sơ cuộc kiểm tra được lập, quản lý, lưu trữ đầy đủ, khoa học và đúng quy định.

6. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn kiểm tra

Đoàn kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và sự điều hành trực tiếp của Trưởng đoàn; bảo đảm nguyên tắc khách quan, dân chủ, công tâm, chính xác, thận trọng và đúng thẩm quyền.

Thành viên Đoàn kiểm tra phải giữ gìn kỷ luật phát ngôn, bảo mật thông tin, hồ sơ, tài liệu và dữ liệu thu thập trong quá trình kiểm tra; không tự ý cung cấp, sao chụp, khai thác hoặc sử dụng thông tin, dữ liệu ngoài phạm vi nhiệm vụ được giao.

Trường hợp phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có dấu hiệu vi phạm, Trưởng đoàn kịp thời báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét, chỉ đạo theo quy định.

VII. KẾT QUẢ, XỬ LÝ VÀ THEO DÕI SAU KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Báo cáo và kết luận kiểm tra, giám sát

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, làm việc trực tiếp, xác minh và kiểm chứng thực tế, Đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó đánh giá đầy đủ ưu điểm, kết quả đạt được; hạn chế, khuyết điểm; nguyên nhân; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và những vấn đề cần tiếp tục thực hiện.

Báo cáo kết quả kiểm tra phải bảo đảm khách quan, chính xác, có căn cứ; phân định rõ những nội dung đã được kiểm chứng, những nội dung còn cần tiếp tục làm rõ và những vấn đề thuộc trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân.

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét, kết luận theo thẩm quyền; trường hợp nội dung vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

2. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Đối với những ưu điểm, kết quả, mô hình, sáng kiến, giải pháp có hiệu quả, ghi nhận, biểu dương và đề xuất nghiên cứu nhân rộng phù hợp với điều kiện thực tế.

Đối với hạn chế, khuyết điểm, yêu cầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan xây dựng biện pháp, thời hạn khắc phục cụ thể; xác định rõ trách nhiệm, nội dung, tiến độ và kết quả phải hoàn thành.

Đối với những vấn đề thuộc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy hoặc trách nhiệm của người đứng đầu, yêu cầu tổ chức đảng, người đứng đầu nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

Đối với những nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn lực, tài chính, tài sản, dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc an toàn thông tin, yêu cầu kịp thời khắc phục, phòng ngừa rủi ro và xử lý theo quy định nếu phát hiện sai phạm.

3. Xem xét, xử lý khi phát hiện dấu hiệu vi phạm

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc có vấn đề cần xem xét theo quy định, Đoàn kiểm tra báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy để xem xét, quyết định việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc thực hiện các bước xử lý tiếp theo theo thẩm quyền.

Trường hợp nội dung có liên quan đến vi phạm pháp luật, thất thoát, lãng phí, mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu hoặc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khác, việc xử lý phải bảo đảm đúng chức năng, thẩm quyền và quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không làm thay, không can thiệp vào hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

4. Khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm tra, giám sát

Tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục hạn chế, khuyết điểm theo kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Nội dung khắc phục phải xác định rõ việc cần làm, trách nhiệm thực hiện, thời hạn hoàn thành và kết quả, sản phẩm cần đạt; ưu tiên khắc phục ngay những hạn chế có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, an toàn thông tin, dữ liệu, tài sản và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

5. Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy giao bộ phận hoặc cán bộ được phân công theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra; định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban Kiểm tra.

Trường hợp tổ chức, cá nhân chậm thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị mà không có lý do chính đáng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy yêu cầu báo cáo, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm; xem xét biện pháp xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Khi cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tổ chức kiểm tra, xác minh việc khắc phục trên thực tế, nhất là đối với những nội dung liên quan đến dữ liệu, hệ thống thông tin, an toàn thông tin, quản lý tài sản, kinh phí và các nhiệm vụ có yêu cầu phải tạo ra sản phẩm cụ thể.

6. Tổng hợp, báo cáo và rút kinh nghiệm

Kết quả kiểm tra và tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra được tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định và phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy.

Qua kiểm tra, kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, bất cập về cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện và những vấn đề cần tháo gỡ; đồng thời rút kinh

nghiêm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch; quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, phê duyệt nội dung, tiến độ và chỉ đạo xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra theo thẩm quyền.

Theo dõi, đôn đốc hoạt động của Đoàn kiểm tra; xem xét, kết luận hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền; chỉ đạo theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra, giám sát

Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu và tiến độ của Kế hoạch; chủ động nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, làm việc, xác minh, kiểm chứng thực tế và tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm tra.

Thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình công tác kiểm tra của Đảng; bảo đảm khách quan, chính xác, công tâm, thận trọng; chịu trách nhiệm trước Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy về nội dung, chất lượng và tiến độ công việc được giao.

Kịp thời báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy những vấn đề phát sinh, những nội dung phức tạp, có dấu hiệu vi phạm hoặc vượt thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo.

3. Tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát

Có trách nhiệm quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch; chuẩn bị đầy đủ, trung thực, chính xác báo cáo tự kiểm tra, hồ sơ, tài liệu và các minh chứng có liên quan; bố trí tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp và làm việc với Đoàn kiểm tra.

Thực hiện nghiêm các yêu cầu của Đoàn kiểm tra; giải trình, cung cấp, bổ sung hồ sơ, tài liệu khi được yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo, số liệu, hồ sơ, tài liệu và thông tin cung cấp.

Sau kiểm tra, nghiêm túc thực hiện kết luận, kiến nghị; xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục hạn chế, khuyết điểm, báo cáo kết quả theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên qua

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu và thực hiện các yêu cầu có liên quan đến cuộc kiểm tra khi được Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy hoặc Đoàn kiểm tra đề nghị.

Việc phối hợp phải bảo đảm kịp thời, chính xác, đúng thẩm quyền; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị và bảo đảm yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu theo quy định.

5. Chế độ báo cáo và xử lý khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề vượt thẩm quyền, Đoàn kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy để xem xét, chỉ đạo hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy định kỳ hoặc khi cần thiết tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy về kết quả kiểm tra, giám sát và việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra, giám sát.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có thay đổi về chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc yêu cầu thực tiễn, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã,
- Các phòng, ban, cơ quan thuộc Đảng ủy xã,
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trịXH ,
- Đảng bộ, chi bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Tô Quý Bôn